TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2025.
Về việc:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Kiểm.
*Các hội thẩm nhân dân:*1. Ông Phạm Đức Tuế;
2. Ông Trần Văn Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Xuân C, sinh năm:1945; Địa chỉ: Xóm LQ 2, xã MT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Triệu Thị S, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Xóm NC, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn – ông Lương Xuân C trình bày như sau:

Ông và bà Triệu Thị S gặp gỡ, quen biết một thời gian thì hai bên nảy sinh tình cảm và quyết định kết hôn, được hai bên gia đình nhất trí và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2017. Sau khi cưới ông và bà S chung sống tại nhà ông tại xóm Lưu Quang 2, xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Ông và bà S đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2017. Ông, bà chung sống hoà thuận được một thời gian, đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà S thường xuyên đi làm ít có thời gian chăm sóc ông và gia đình, thỉnh thoảng

bà S có về nhà được một hai hôm, sau đó lại đi làm dẫn đến ông bà bất đồng quan điểm sống, cãi cọ nhau. Đến năm 2021 bà S chuyển về nhà tại xóm Nà Chèn, xã Thanh Định, huyện Định Hoá sinh sống, ông có gọi điện bảo bà S về nhà nhưng bà S không đồng ý về nhà ông. Ông và bà S sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông cương quyết xin được ly hôn bà Triệu Thị S.

Về con chung: Ông C xác định, ông và bà S không có con chung.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Ông C xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng đối với bà Triệu Thị S để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của bà S trước pháp luật. Tuy nhiên, bà S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn bà S; Về con chung; Về tài sản chung và các khoản cho vay, nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Đối với đương sự: Ông C đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, bà S không chấp hành, không tuân thủ theo đuáng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lương Xuân C với bà Triệu Thị S.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C do thuộc trường hợp người C tuổi theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án cư trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Triệu Thị S – là bị đơn trong vụ án đã được Toà án tống đạt Giấy triệu tập phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Xuân C và bà Triện Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của ông C thấy: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng đối với bà Triệu Thị S để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của bà S trước pháp luật. Tuy nhiên, bà S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản nêu ý kiến của mình. Căn cứ lời trình bày của ông C thấy: Quá trình chung sống, giữa ông C và bà S nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau, ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông C kiên quyết xin được ly hôn với bà S. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C, cho ly hôn giữa ông C với bà S.

Về con chung; Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Ông C xác định, ông và bà S không có. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C là người C tuổi và có đơn xin miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lương Xuân C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lương Xuân C với bà Triệu Thị S.

2. Về con chung: Không có; Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lương Xuân C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnhTN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Minh Tiến, huyện Đại Từ;
(ĐKKH số 08 ngày 30/5/2017)
- Lưu HS.

Hoàng Văn Kiểm